

**CÔNG TY CỔ PHẦN KÍNH MÀU BẮC NINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KÍNH MÀU BẮC NINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BAC NINH STAINED GLASS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300944059

**3. Ngày thành lập:** 28/07/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số nhà C163, Lê Đình Tân, Thanh An, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0904187702

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành    |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2310(Chính) |
| 2.  | Sản xuất sản phẩm chịu lửa                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2391        |
| 3.  | Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2392        |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2393        |
| 5.  | Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 2394        |
| 6.  | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao                                                                                                                                                                                                                                                                | 2395        |
| 7.  | Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2396        |
| 8.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                       | 1621        |
| 9.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1622        |
| 10. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4662        |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn tre, nứa, gỗ, cây và gỗ chế biến;<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, véc ni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim | 4663        |
| 12. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                    | 4752        |
| 13. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                 | 4759        |
| 14. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3100        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                              |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 15. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                | 4100                                                         |
| 16. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                            | 4210                                                         |
| 17. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                         | 4220                                                         |
| 18. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                           | 4290                                                         |
| 19. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                               | 4311                                                         |
| 20. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                    | 4312                                                         |
| 21. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                | 4321                                                         |
| 22. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                      | 4322                                                         |
| 23. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                       | 4329                                                         |
| 24. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                       | 4330                                                         |
| 25. | Đại lý, môi giới, đấu giá                                                                                                                                                                                                                            | 4610                                                         |
| 26. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh.                                           | 4649                                                         |
| 27. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>- Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>- Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ kính thuốc) | 4773                                                         |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                          | 4789                                                         |
| 29. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Trang trí nội thất                                                                                                                                                                                       | 7410                                                         |
| 30. | Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.                                                                                                                              | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VNĐ/Cổ phần

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông    | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐẶNG XUÂN NHÂM | Thôn Phú Thuận, Xã Đoan Bái, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 121419285                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
| 2   | LƯU NGỌC QUÂN  | Thôn An Lập, Xã Đoan Bái, Huyện Hiệp Hoà, Tỉnh Bắc Giang, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    | 121667676                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 20.000     | 200.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
| 3   | LƯU NGỌC HUY   | Phố Thanh An, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam            | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    | 125886228                                                                                   |         |
|     |                |                                                                                      | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LƯU NGỌC HUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/07/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125886228

Ngày cấp: 07/06/2016

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà C163, Lê Đình Tấn, Thanh An, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số nhà C163, Lê Đình Tấn, Thanh An, Phường Vũ Ninh, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

#### 11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh

Thời gian đăng từ ngày 28/07/2016 đến ngày 27/08/2016